GV : Đào Hương Sen

Email : [daohuongsen25061991@gmail.com](mailto:daohuongsen25061991@gmail.com)

FB : Đào Hương Sen

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 65: BỘI VÀ ƯỚC CỦA MỘT SỐ NGUYÊN**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1.Kiến thức:**

- Học sinh biết các khái niệm bội và ước của một số nguyên, hiểu rõ khái niệm chia hết .

- Hiểu được ba tính chất liên quan tới khái niệm chia hết cho.

**2. Kỹ năng:**

Biết tìm bội và ước của một số nguyên.

**3. Thái độ:**

Xây dựng ý thức học tập tự giác, tích cực và tinh thần hợp tác trong học tập.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 3 phút)**  ***Mục tiêu:*** Hs hiểu rõ thế nào là bội và ước của một số tự nhiên, nhớ lại cách tìm bội và ước của số tự nhiên.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề. | | |
| **GV**: Nêu yêu cầu kiểm tra  1) Thế nào là ước và bội của một số tự nhiên ?  2) Nhắc lại cách tìm ước và bội của một số tự nhiên ?  **GV**: Nhận xét chung,nêu vấn đề  **“** Trong tập hợp các số tự nhiên, ta đã biết về bội và ước của một số tự nhiên.  Vậy thế nào là bội và ước của một số nguyên và bội và ước của một số nguyên có những tính chất gì? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay: Tiết 65- BỘI VÀ ƯỚC CỦA MỘT SỐ NGUYÊN” | **HS**: Chú ý nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời  HS đứng tại chỗ nhận xét  - HS lắng nghe | **⁂ Đáp**  1) Nếu có số tự nhiên a chia hết cho số tự nhiên b thì ta nói a là bội của b, còn b là ước của a.  **2)** Ta có thể tìm các bội của một số bằng cách nhân số đó lần lượt với 0, 1, 2, ...  Ta có thể tìm các ước của a bằng cách lần lượt chia a cho các số tự nhiên từ 1 đến a để xét xem a chia hết cho những số nào, khi đó các số ấy là các ước của a. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Khái niệm bội và ước của một số nguyên ( 10 phút)**  ***Mục tiêu***: Hs hiểu rõ khái niệm bội và ước của một số nguyên, chỉ ra được ước và bội của một vài số nguyên.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm, thực hành. | | |
| **GV** yêu cầu hoạt động nhóm 2 phút  hoàn thành  và  **GV:**gọi học sinh đại diện nhóm lên bảng trình bày theo thứ tự  và  Vậy khi nào ta nói a chia hết cho b ?  **GV**: Nhận xét chung  Giới thiệu định nghĩa ra bảng phụ và yêu cầu 1 vài học sinh đọc lại  Ghi ví dụ 1 lên bảng, hướng dẫn cho học sinh sau đó yêu cầu cá nhân học sinh hoàn thành  Gọi học sinh đại diện lên bảng trình bày 2 bội và hai ước của 6  Nhận xét, chốt lại định nghĩa  **\*** GV đưa ra **bài tập tình huống** để HS tìm ra ba chú ý tiếp theo rồi giáo viên giới thiệu chú ý còn lại trong SGK:  Trong lúc ôn tập về ước và bội của số nguyên, nhóm bạn lớp 6A tranh luận:  + Ngọc:Trong tập hợp số nguyên có một số là bội của mọi số nguyên.  +Hiếu: Tớ thấy có một số là ước của mọi số nguyên.  + Việt Anh: Không, có hai số là ước của mọi số nguyên.  +Hương: Mình cũng tìm được một số nguyên không phải là ước của bất cứ số nguyên nào.  Vừa lúc cô dạy toán đi qua, các bạn xúm lại hỏi, cô bảo: Có ba bạn đúng?  Các bạn cho biết đó là những số nguyên nào vậy?và trong bốn bạn, ai là người sai?  \* GV chốt bài tập tranh luận đưa ra ba chú ý.  \* GV giới thiệu: Nếu c vừa là ước của a, vừa là ước của b thì c cũng được gọi là ước chung của a và b.  \* GV đưa ra ví dụ:  **\* GV:** Bội và ước của một số nguyên có những tính chất gì?  Giới thiệu tiếp VD 2  Gv: Gọi Hs đọc lại chú ý sau đó chốt lại kiến thức | **HS** :Các nhóm thảo luận  **HS:** 2 Hs Lên bảng trình bày  và  theo yêu cầu của GV  **HS**: Đứng tại chỗ trả lời  **HS**: Còn lại chú ý theo dõi và nêu nhận xét  **HS**: Đọc lại nội dung và đánh dấu ghi nhớ về nhà học  **HS**: Chú ý nghe GV hướng dẫn, sau đó thảo luận nhóm hoàn thành ?3  **2 HS**: lên bảng trình bày  Đáp án :  + Số 0 là bội của mọi số nguyên vì 0 chia hết cho mọi số nguyên khác 0.  + 1 và (-1) là ước của mọi số nguyên vì mọi số nguyên đều chia hết cho 1 và (-1).  + Số 0 không phải là ước của bất cứ số nguyên nào vì theo điều kiện của phép chia, phép chia chỉ thực hiện được nếu số chia khác 0.  **HS**: Chú ý nghe và ghi bài vào vỡ.  **HS:** Đọc lại nội dung chú ý  **HS**: Chú ý theo dõi | **1. Bội và ước của một số nguyên**    6 =1 . 6 = (- 1) .(- 6)  = 2 . 3= (-2) .(-3)  - 6 = ( -1 ) . 6 = ( - 6 ) . 1  = ( -2 ) . 3 = 2 . (- 3)  a chia hết cho b nếu có số tự nhiên q sao cho a = b . q  Cho a, b ∈ Z và b ≠0. Nếu có số nguyên q sao cho a = b.q thì ta nói a chia hết cho b, ta nói a là bội của b và b là ước của a.  **Ví dụ1:**  -9 là bội của 3 vì -9 = 3.(-3)    Hai bội của 6 là 0; 6; …  Hai ước của 6 là  1; …;  6.  .  **\* Chú ý (SGK.96)**  + Số 0 là bội của mọi số nguyên.  + 1 và (-1) là ước của mọi số nguyên.  + Số 0 không phải là ước của bất cứ số nguyên.  + Nếu c vừa là ước của a, vừa là ước của b thì c cũng được gọi là ước chung của a và b.  **Ví dụ**: Tìm các ước chung của 6 và 9 rồi chữa nhanh trên máy chiếu:  + Các ước của 6 là:  + Các ước của 9 là:  + Các ước chung của 6 và 9 là:  **Lưu ý:** Để tìm các ước của một số dương , ta có thể tìm tập hợp các ước nguyên dương của nó rồi bổ sung thêm các số đối của các ước nguyên dương ấy.  **Chú ý ( sgk /96)**  **Ví dụ 2:**  a) Các ước của 8 là1, -1, 2, -2, 4, -4, 8, -8.  b) Các bội của 3 là 0, 3,-3, 6, -6, 9, -9, . . |
| **Hoạt động 2: Tính chất (10 phút)**  ***Mục tiêu:*** Hs hiểu rõ các tính chất chia hết, tính chất chia hết của một tổng, một hiệu.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp, thực hành. | | |
| **GV**:Ghi tính chất ra bảng phụ, yêu cầu HS đọc kĩ tính chất và lấy ví dụ minh hoạ    Yêu cầu cá nhân học sinh hoàn thành  Gọi 2 học sinh lên bảng thực hiện  Nhận xét chung và chốt lại | **HS:** Ghi nhanh tính chất vào vở, suy nghĩ lấy thêm ví dụ.  **3 HS**: Lần lượt ghi ví dụ  **HS**: Vận dụng tính chất vào tính được  **HS**: Lên bảng trình bày  - Có thể thay đổi tùy ý vị trí các số hạng  **HS**: Thực hiện ra nháp  **2 HS**: Lên bảng trình bày  **HS**: Còn lại chú ý, nhận xét và ghi bài vào vỡ. | 2. **Tính chất :**   |  | | --- | | a∶ b và b∶ c → a ∶ c |   **Ví dụ 1:**  12∶ 6 và 6∶ 3 → 12∶ 3   |  | | --- | | a∶ b→ am∶ b ( m € Z ) |   **Ví dụ 2:**  ( - 4 ) ∶ 4 nên ( - 4 ) . 2∶ 4   |  | | --- | | a∶c,b∶c→(a+b)∶c và(a-b)∶ c |   **Ví dụ 3 :** ( sgk )   |  | | --- | | **?4** |   a) 0, - 5, + 5, - 10 , + 10  b)– 1,+ 1,- 2, + 2,- 5,+5,-10,+10 |
| **C. Hoạt động luyện tập, củng cố ( 12 phút)**  ***Mục tiêu***: Học sinh nêu được khái niệm và các tính chất về bội và ước của số nguyên,Hs biết tìm bội và ước của các số  ***Phương pháp***: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm, thực hành. | | |
| **GV:** Qua bài học hôm nay các em đã được học những nội nung cơ bản nào ?  **GV**: cho Hs thảo luận nhóm theo cặp để làm bài 101 và 102  + Nhận xét chung, đánh giá, cho điểm | **HS**: Các nội dung cơ bản là: khái niệm về ước và bội của số nguyên, chú ý và các tính chất cơ bản .  **HS**: Thảo luận nhóm 2 phút  **HS**: Thực hiện theo yêu cầu của giáo viên  **HS**: Chú ý theo dõi, nhận xét và ghi nhanh bài vào vở | **Bài 101 (Sgk/97):**  - Năm bội của 3 là:0,3,-3,6,-6.  - Năm bội của 3 là: 0,3,-3,6,-6  **Bài 102 (Sgk/97):**  Các ước của -3 là :1,-1,3,-3  Các ước của 6 là :1;-1; 2; -2; 3; -3; 6; -6  Các ước của 11 là :1;-1; 11; -11  Các ước của -1 là :1,-1 |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 7 phút)**  ***Mục tiêu:*** Hs biết vận dụng tính chất chia hết để làm bài.  ***Phương pháp***: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành | | |
| **Bài 103**  **GV**: Ghi đề bài lên bảng và phân tích  Ta lập bảng gồm hai tập hợp A và B với a € A và b € B.....  Có thể lập được bao nhiêu tổng ?  Có bao nhiêu tổng chia hết cho 2 ?  Có bao nhiêu giá trị khác nhau ?  **GV:** Gọi 2 học sinh khá lên bảng cùng thực hiện | **HS:** Lập bảng theo hướng dẫnvà trả lời  **HS:** Có 15 tổng được tạo thành  **HS:**Có bảy tổng ∶ 2  **HS:** Có 3 giá trị khác nhau 24, 26, 28.  **2HS:**Lên bảng thực hiện, còn lại chú ý nhận xét | **Bài 103 (Sgk/97):**  a) Có mười lăm tổng được tạo thành.  b) Có bảy tổng chia hết cho 2 là : 24, 24, 26, 26, 26, 28, 28   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | A  B | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | | **21** | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | | **22** | 24 | 24 | 25 | 27 | 28 | | **23** | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 2 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| - Về nhà học bài và làm các bài tập 103, 104, 105 (Sgk/97)  - Xem bài Ôn tập chương và làm các câu hỏi phần ôn tập ra nháp | HS lắng nghe và ghi chép |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 66 : ÔN TẬP CHƯƠNG II**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Về kiến thức :** + Ôn tập cho HS khái niệm về tập Z các số nguyên, giá trị tuyệt đối của một số nguyên, quy tắc cộng, trừ, nhân hai số nguyên và các tính chất của phép cộng, phép nhân số nguyên.

**2. Về kỹ năng : +** HS vận dụng các kiến thức trên vào bài tập về so sánh số nguyên, thực hiện phép tính, bài tập về giá trị tuyệt đối, số đối của số nguyên.

**3. Về thái độ :**

HS tuân thủ nội quy lớp học, nhiệt tình hưởng ứng xây dựng bài, có tinh thần hợp tác trong Hoạt độngnhóm

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động (3 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS nêu được nội dung kiến thức đã học ở chương II  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan. | | |
| Gọi học sinh đứng tại chỗ khái quát toàn bộ nội dung kiến thức ở chương II  GV chốt lại toàn bộ nội dung kiến thức cả chương | HS lắng nghe, ghi chép (nếu cần)  Hs : Nêu khái quát kiến thức cả chương ( số nguyên, số đối, giá trị tuyệt đối của số nguyên, quy tắc cộng, trừ, nhân ,chia )  HS lấy sách vở, bút ghi chép bài |  |
| **B.  Hoạt động luyện tập – vận dụng.**  **Hoạt động 1. Ôn tập khái niệm về tập Z, thứ tự trong Z ( 17 phút)**  ***Mục tiêu***: Học sinh luyện tập về các thứ tự trong tập hợp số nguyên.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình,gợi mở vấn đáp, luyện tập thực hành, vấn đáp | | |
| **GV** : Nêu lần lượt các câu hỏi ôn tập SGK sau đó gọi học sinh lên bốc thăm câu hỏi và trả lời .  **Câu 1** :Viết tập hợp Z các số nguyên ?  Gv gọi Hs nhận xét  **Câu 2**:Viết số đối của số nguyên a  - Số đối của a có thể là số dương? Số âm? Số 0?  - Số nguyên nào bằng số đối của nó.  Gọi HS nhận xét  **Câu 3:** Giá trị tuyệt đối của a là gì ?  - Giá trị tuyệt đối của a có thể là số dương? Số âm? Số 0?  Cho ví dụ  Vậy giá trị tuyệt đối của số nguyên a có thể là số nguyên dương ? số nguyên âm ? số 0 hay không ?  GV gọi HS nhận xét sau đó chôt lại vấn đề  \* Yêu cầu HS lên bảng chữa bài 107.SGK 98.  Hướng dẫn HS quan sát trục số rồi trả lời câu c.  \* Cho HS đứng tại chỗ trả lời bài 109.SGK 98.  GV: Nêu cách so sánh hai số nguyên âm, 2 số nguyên dương, số nguyên âm với số 0, với số nguyên dương.  **Câu 4** :Phát biểu quy tắc cộng, trừ, nhân hai số nguyên?  GV gọi HS nhận xét sau đó chôt lại vấn đề  **Câu 5:** Viết dưới dạng công thức các tính chất của phép cộng, phép nhân các số nguyên?  - Nhận xét chung và chốt lại | **-** Chú ý theo dõi suy nghĩ trả lời  - HS dựa vào khái niệm tập hợp Z để trả lời  Hs nhận xét  HS dựa vào số đối để trả lời  Dựa vào chú ý của số đối để trả lời  Hs nhận xét  HS dựa vào giá trị tuyệt đối để trả lời  HS cho ví dụ  HS trả lời  Nhận xét  Chữa bài 107.SGK 98.  c) a < 0; -a = ⎪a⎪= ⎪-a⎪ >0  b = ⎪b⎪= ⎪-b⎪ >0; -b <0  1 HS đọc đề bài.  1 HS khác trả lời:  HS trả lời: Trong 2 số nguyên số nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn thì số đó nhỏ hơn. Trong 2 số nguyên dương số nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn thì số đó lơn hơn.  Số nguyên âm nhỏ hơn số 0; số nguyên âm nhỏ hơn bất kỳ số nguyên dương nào  - HS nêu cụ thể các quy tắc cộng, trừ, nhân hai số nguyên.  -Nhận xét  HS nêu lại cụ thể công thức các tính chất của phép cộng, nhân hai số nguyên  -nhận xét | **Câu 1:**  Z ={… -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3 …}  **Câu 2:**  a) Số đối của a là – a.  b) Số đối của số nguyên a có thể là số nguyên dương, số nguyên âm, số 0.  c) Số 0 bằng số đối của nó.  **Câu 3:**  a) Khoảng cách từ điểm a đến điểm 0 trên trục số là giá trị tuyệt đối của số nguyên a  b) Có thể là số dương hoặc số 0 (không là só âm)  Ví dụ: ⎪+7⎪ = +7, ⎪0⎪ = 0  ⎪-5⎪ = +5  + ⎪a⎪0.  Ví dụ: ⎪+7⎪ = +7  ⎪0⎪ = 0  ⎪-5⎪ = +5  + ⎪a⎪0.  Giá trị tuyệt đối của số nguyên a không thể là số nguyên âm  **Bài 109**  624 (Ta lét); -570 (Pitago)  - 287 (Ác Simét); 1441 (Lương Thế IVnh); 1596 (Đề Các) 1777 (Gauxơ) 1850 (Côvalepxkaia)  **Câu 4:**  - Quy tắc cộng, trừ hai số nguyên sgk/75,76,81  - Quy tắc nhân hai số hai số nguyên sgk/88,90  **Câu 5:**  Các tính chất phép cộng và phép nhân |
| **Hoạt động 2: Ôn tập các phép toán trong Z. ( 17 phút)**  ***Mục tiêu***: **:** Học sinh luyện tập kĩ năng tính toán cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số nguyên.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, luyện tập thực hành, vấn đáp, hoạt động nhóm. | | |
| \* Trong tập Z, có những phép toán nào luôn thực hiện được ?  \* Hãy phát biểu các quy tắc:  Cộng 2 số nguyên cùng dấu.  Cộng 2 số nguyên khác dấu.  Cho ví dụ.  Chữa bài tập 110 a, b.SGK 99.  \* Hãy phát biểu quy tắc trừ số nguyên a cho số nguyên b. Cho ví dụ.  \* Phát biểu quy tắc nhân 2 số nguyên cùng dấu, nhân 2 số nguyên khác dấu, nhân với số 0. Cho ví dụ.  **Chữa bài tập 110 c, d.SGK 99.**  \* Nhấn mạnh quy tắc dấu:  (-) + (-) = (-)  (-) . (-) = (+)  **Câu hỏi 5** Phép cộng trong Z có những tính chất gì ? phép nhân trong Z có những tính chất gì ? viết dưới dạng công thức.  \* Yêu cầu HS làm bài tập 116 và 119.SGK 100.  Gv cho HS thảo luận nhóm sau đó gọi lên bảng  GV : Gọi HS nhận xét sau đó chốt lại kiến thức | \* HS: Trong Z, những phép toán luôn thực hiên được là: cộng, trừ. nhân, luỹ thừa với số mũ tự nhiên.  \*HS trả lời.  \*HS làm bài 110 SGK.99.  a) Đúng b) Đúng  \* a - b = a + (-b)  \*HS trả lời.  **Bài 110c, d. SGK 99**.  c) Sai d) Đúng  \*Trả lời câu hỏi, sau đó 2 HS lên bảng viết cách tính chất dưới dạng công thức.  HS thảo luận nhóm sau đó lên bảng thực hiện  HS thảo luận nhóm sau đó lên bảng. | **2. Ôn tập các phép toán trong Z**  **Bài 116.SGK 99.**  a) (-4).(-5).(-6) = -120.  b)  Cách 1:  (- 3 + 6) . (-4)  =3. (-4) = -12.  Cách 2:  (- 3 + 6) . (-4)  = (-3) . (-4) + 6 . (-4)  = 12 - 24 = -12.  c)  (- 3 - 5) . (-3 + 5)  = (-8) . 2 = -16.  d)  (- 5 - 13) : (-6)  = (-18) : (-6) = 3.  vì 3 .(-6)= (-18).  \* Bài 119.SGK 100.  a) 15 . 2 - 3.6.10  = 15 . 12 - 15.10  = 15 .(12 - 10) = 15 . 2  = 30.  b) 45 - 9 .(13 + 5)  = 45 - 117 - 45 = -117.  c)  29.(19 - 13) – 19.(29-13) = 29.19-29.13-19.29 +19.13= 13.(19 - 29)  = 13 . (-10) = -130. |
| **C. Hoạt động vận dụng củng cố ( 5 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh vận dụng kiến thức vào giải bài toán  ***Phương pháp***: vấn đáp, thuyết trình, | | |
| **GV**: Qua tiết học hôm nay các em ôn được những nội dung cơ bản nào ?  **Bài 113 (Sgk/99):**  - Tổng của tất cả các số đã cho là bao nhiêu ?  - Mỗi dòng, mỗi cột có mấy số ?  - Vậy tổng của 3 số mỗi dòng hoặc mỗi cột là bao nhiêu ? | **HS**: Lần lượt trả lời  **HS**: Còn lại chú ý nhận xét  **Bài 113 (Sgk/99):**  - Tổng của tất cả các số là 9  - Mỗi dòng, mỗi cột có 3 số  - Vậy tổng của 3 số mỗi dòng hoặc mỗi cột là 3 | - Tập hợp số nguyên, số đối, các quy tắc cộng, trừ, nhân và các tính chất trong phép cộng và phép nhân các số nguyên.  **Bài 113 (Sgk/99):**  Tổng của tất cả các số là:  1 + (-1) + 2 +(-2) + 3 + (-3) + 0 + 4 + 5 = 9  Vậy tổng của 3 số mỗi dòng hoặc mỗi cột là 3   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 2 | 3 | - 2 | | - 3 | 1 | 5 | | 4 | - 1 | 0 | |
| **D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (2 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| \* Ôn tập quy tắc cộng trừ nhân các số nguyên, quy tắc lấy giá trị tuyệt đối của một số nguyên, so sánh số nguyên và tính chất của phép cộng, phép nhân trong Z.  Ôn tiếp quy tắc dấu ngoặc, chuyển vế, bội ước của số nguyên.  - Làm các bài tập 114, 115, 117, 118 (Sgk/99) | HS ghi chép nội dung yêu cầu |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 67: ÔN TẬP CHƯƠNG II ( tiếp )**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

Học sinh ôn tập các phép tính trong tập hợp số nguyên Z, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế, bội và ước của một số nguyên.

**2. Kĩ năng :**

- Biết vận dụng các kiến thức trên vào bài tập thực hiện phép tính ,tính nhanh giá trị biểu thức, tìm x, bội và ước của một số nguyên.

**3. Thái độ:** Trung thực, cẩn thận, nghiêm túc và hứng thú học tập.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS ôn lại các quy tắc, phép toán trong tập hợp số nguyên, biết tính toán thành thạo các phép toán.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan, thực hành. | | |
| **GV:** Nêu câu hỏi ôn tập  1) Nêu quy tắc cộng hai số nguyên âm?  Tính: (-7) + (-13)  2) Nêu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu ?  Tính: 4. (-7) .25  **GV**: Nhận xét chung và chốt lại | **HS1**: Lên bảng nhắc lại qui tắc và tính (-7) + (-13)  **HS2:** : Lên bảng nhắc lại qui tắc  và tính 4 . (-7) .25  **HS3**: Nhận xét | **I. Ôn lí thuyết** :  1) Muốn cộng hai số nguyên âm ta cộng hai giá trị tuyệt đối của chúng rồi đặt dấu trừ trước kết quả.  (-7) + (-13) = -(7 + 13) = -20  2) Muốn nhân hai số nguyên khác dấu ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng rồi đặt dấu trừ trước kết quả.  4 . (-7) .25 = (4. 25) . (-7)  = 100 .(-7)  = -700 |
| **B.  Hoạt động luyện tập – vận dụng ( 30 phút)**  **Thực hành giải một số các dạng toán.**  ***Mục tiêu***: Học sinh biết cách giải các bài toán thành thạo.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, luyện tập thực hành, vấn đáp, hoạt động nhóm. | | |
| **Bài 115 (Sgk/99):**  **GV** treo bảng phụ  + Để tìm a ta cần áp dụng kiến thức nào ?  + Yêu cầu HS thực hiện theo nhóm 3 phút  + Goi đại diện 3 nhóm lên bảng thực hiện  **GV**: Kiểm tra bài của một số nhóm, sau đó nhận xét chung.  **Bài 116 (Sgk/99):**  + Để thực hiện bài toán trên ta cần áp dụng quy tắc nào ?  + Hãy phát biểu hai quy tắc trên ?  + Yêu cầu HS thực hiện tính ra nháp 2 p’  + Gọi 4 học sinh lên bảng tính  **Bài 117 (Sgk/99):**  + Cần áp dụng kiến thức nào để giải bài tập trên ?  + Yêu cầu HS thực hiện  + Gọi 2 học sinh lên bảng tính  **GV**: Nhận xét chung  **Bài 118 (Sgk/99):**  + Ta cần áp dụng quy tắc nào trước ?  + Yêu cầu HS thực hiện theo nhóm 3 phút  + Gọi đại diện 3 nhóm lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm  **GV**: Nhận xét chung và chốt lại cách tìm x | **Bài 115 (Sgk/99):**  **HS**: Tìm hiểu đề  + Dựa vào định nghĩa giá trị tuyệt đối của số nguyên để tìm a.  **3 HS**: lên bảng thực hiện  **HS**: Các nhóm còn lại chú ý theo dõi, nêu nhận xét  **HS**: Chưa thực hiện đúng ghi bài vào vở  **Bài 116 (Sgk/99):**  + Áp dụng quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu và khác dấu.  **HS** :Phát biểu lại hai quy tắc trên.  **HS:** Tính ra nháp  **4 HS**: Lên bảng thực hiện  **Bài 117 (Sgk/99):**  + Tính giá trị của lũy thừa và quy tắc nhân hai số nguyên  **HS**: Tính ra nháp  **2 HS**: Lên bảng thực hiện  **HS**: Nhận xét bài bạn và ghi bài vào vỡ.  **Bài 118 (Sgk/99):**  + Áp dụng quy tắc chuyển vế trước, sau đó tính  **HS**: Thực hiện theo nhóm  **3 HS**: lên bảng thực hiện  **HS**: chú ý và ghi bài vào vỡ. | **Bài 115 (Sgk/99):**  **- Tìm a ∈ Z biết**  a)⏐a⏐ = 5 ⇒ a = 5 hoặc a = -5  b)⏐a⏐ = 0 ⇒ a = 0  c)⏐a⏐ = -3 không có số a  d)⏐a⏐ = ⏐-5⏐ ⇒ ⏐a⏐ = 5  ⇒ a = ±5  e) -11⏐a⏐ = -22  ⏐a⏐ = (-22) : (-11) = 2  ⇒ a = ±2  **Bài 116 (Sgk/99):**  **- Tính**  a) (-4) . (-5) . (-6) = -120  b) (-3 + 6) .(-4) = -12  c) (-3 - 5) .(-3 + 5) = (-8) .2  = -16  d) (-5 - 13) : (-6) = (-18) : (-6)  = 3  **Bài 117 (Sgk/99):**  - **Tính**  a) (-7)3 . 24 = - 5488  b) 54. (-4)2 = 10000  **Bài 118 (Sgk/99):**  a) 2x - 35 = 15  2x = 15 + 35  2x = 50  x = 50 : 2  x = 25  b) 3x + 17 = 2  3x = 2 - 17  x = (-15) : 3  x = -5  c) |
| **C. Hoạt động vận dụng củng cố (7 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh vận dụng kiến thức vào giải bài toán  ***Phương pháp***: vấn đáp, thuyết trình. | | |
| Qua tiết học hôm nay các em đã ôn tập lại được những kiến thức cơ bản nào ?  - Nhận xét  **Bài 121 (Sgk/100):**  - Tích của 3 số đứng liền nhau đều bằng bao nhiêu ?  - Các số cách nhau 2 ô như thế nào  - Gọi 1 HS lên bảng thực hiện  - Gọi HS nhận xét, bổ sung.  - GV chốt lại | **HS**: Nêu lại cụ thể các quy tắc và khái niệm trên  - Nhận xét  **Bài 121 (Sgk/100):**  - Tích của 3 số đứng liền nhau đều bằng 120  - Các số cách nhau 2 ô đều bằng nhau  - 1 HS lên bảng thực hiện  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, ghi vào | Quy tắc chuyển vế, quy tắc nhân, Cộng hai số nguyên và giá trị tuyệt đối  **Bài 121 (Sgk/100):** ( 5 phút )  Do tích của 3 số đứng liền nhau đều bằng 120, nên các số cách nhau 2 ô đều bằng nhau. Ta điền các số 6 và – 4 trước, sau đó điền số – 5. ta được kết quả bẳng như sau:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | - 4 | - 5 | 6 | - 4 | - 5 | 6 | | - 4 | - 5 | 6 | - 4 | - 5 |  | |
| **D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (2 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| - Về nhà học bài và xem lại tất cả các bài tập đã sửa.  - Làm các bài tập còn lại.  - Chuẩn bị tiết sau kiểm tra 1 tiết | HS ghi chép nội dung yêu cầu |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 68: KIỂM TRA CHƯƠNG II**

**I. MỤC TIÊU**

**I. Mục tiêu**

Qua tiết học này, học sinh được kiểm tra, đánh giá kiến thức trong chương số nguyên:

**1. Về kiến thức**

Kiểm tra việc lĩnh hội, vận dụng kiến thức đã học trong chương II, của học sinh.

**2. Về kĩ năng**

Kiểm tra các kĩ năng: cộng hai số nguyên cùng dấu, khác dấu; thực hiện các phép tính tìm giá trị tuyệt đối, tìm số nguyên x, tìm ước và bội của một số nguyên, kĩ năng tính nhanh.

**3. Về thái độ**

Học sinh làm bài nghiêm túc, tích cực.

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

- **Năng lực**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực tính toán, tư duy logic.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

+ Giáo viên: Giáo án, đề kiểm tra

+ Học sinh: Đồ dùng học tập và ôn tập kiến thức chương II

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra**

**\* MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chủ đề kiến thức | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Tổng điểm |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| Phép toán trên tập hợp số nguyên | 2  1 |  | 2    1 |  |  | 2  2,5  Có kĩ năng bỏ ngoặc tính hợp lý | 6  4,5 |
| Bội ước trên tập hợp số nguyên |  |  |  |  |  | 1  2đ  Có kĩ năng chuyển bài toán thực tế về tìm bội ước số nguyên | 1  2,0 đ |
| Bài toán tìm giá trị của biến thỏa mãn điều kiện cho trước |  | 1  0,75  Dựa vào quy tắc chuyển vế QHPT nhân tìm x |  | 1  0,75  Hiểu biết về GTTĐ |  | 2  2  Vận dụng về GTTĐ và QHPT Tìm x | 3  3,5đ |
| Tổng cộng điểm | 1,0 | 1 | 1,0 | 1,5 |  | 5,5 | 10,0 đ |

**Đề bài**

**Phần I : Trắc nghiệm khách quan( 2 điểm)**

*Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng trong các câu sau:*

1. Kết luận nào sau đây đúng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. –(–8) = 8 | B. –(–8) = –8 | C. |–8| = –8 | D. –|–8| = 8. |

***2.*** *Giá trị của biểu thức –17 – (–23) + (–2) bằng:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 4 | B. 8 | C. –4 | D.–42 |

**3.** Kết quả của phép tính –35 + 88 – (28 + 35) là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 50 | B. 10 | C. -10 | D. 60 |

**4.** Số nguyên x mà –6 < –3 + x < –4 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. –4 | B. –2 | C. –3 | D. –1. |

**Phần II : Tự luận( 8 điểm)**

**Bài 1** : **(2,5 điểm)** Tính hợp lí (nếu có thể) :

a. (- 268) – [( -268 + 163) – 63]

b. (- 42).(-171) + (-42).71

c. Tổng của tất cả các số nguyên mà giá trị tuyệt đối không vượt quá 10

**Bài 2** : **(1,5 điểm)** Tìm x biết:

a. 2x + 48 = 24 b.  = 6

**Bài 3 (2 điểm):**

1. Tìm các số nguyên x, y biết (x + 2)(y – 3) = 5
2. Tìm số nguyên n sao cho n + 5 chia hết cho n – 2.

**Bài 4**. **(2 điểm)** Lớp 6A nếu sếp hàng 6, hàng 8 thi đều thiếu 3 em . Tìm số học sinh lớp 6A , biết số học sinh lớp 6A nằm trong khoảng từ 40 đến 60 em

**B. Đáp án – Biểu điểm**

**Phần I : Trắc nghiệm khách quan (2 điểm).** Mỗi ý đúng cho 0.5 điểm

1-A 2-A 3-C 4-B

**Phần II : Tự luận( 6 điểm)**

**Bài 1 (3 điểm)** Mỗi ý a, b làm đúng cho 0,75 điểm, ý c cho 1điểm. Nếu làm đúng nhưng tính không hợp lí thì cho nửa số điểm

a. (- 268) – [( -268 + 163) – 63]

= (- 268) - ( -268 + 163) + 63

= [(- 268)+ 268] + ( - 163+ 63)

= 0 + ( -100) = -100

b. (- 42).(-171) + (-42).71 = (-42).(-171+71) = (-42).(-100) = 4200

c. Các số nguyên có GTTĐ không vượt quá 10 là:

-10 ; -9 ;-8 ;-7 ;-6 ;-5 ;-4 ;-3 ;-2 ;-1 ; 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10

Các số nguyên có GTTĐ không vượt quá 10 có tổng là:

(-10) +(-9) +(-8) +(-7) +(-6) +(-5) +(-4) +(-3) +(-2) +(-1) +0 +1 +2 +3 +4 +5 +6 +7 +8 +9+ 10

=(-10+10) + (-9+9) + (-8+8) + (-7+7) + (-6+6) + (-5+5) + (-4+4) + (-3+3) + (-2+2) + (-1+1) + 0 = 0

**Bài 2 (1,5 điểm)**: Mỗi ý đúng đúng cho 0,75 điểm

|  |  |
| --- | --- |
| a) 2x + 48 = 24  2x = 24 – 48  2x = - 24  x = - 24 : 2  x = - 12.  Vậy x = -12 | b. = 6  3x - 3 = 6 hoặc 3x - 3= -6  3x = 9 3x= -3  x = 9 : 3 x= -1  x = 3  Vậy x = 3 hoặc x = - 1 |
| **Bài 3 (2 điểm):** Mỗi ý đúng đúng cho 1 điểm | |
| a) x + 2 là ước của 5, lần lượt cho x + 2 bằng 1; -1; 5; -5, tìm được x bằng -1; -3; 3; -7.  Vậy (x, y | b)  ... n |

**Bài 4 (2 điểm):**

Gọi số học sinh của lớp 6 A là a (a  N\* ; 40  a  60 ; học sinh)

Theo bài ra lớp 6A nếu xếp hàng 6, hàng 8 thi đều thiếu 3 em, nên:

a + 3 BC(6,8) = B(24) = {0;24;48;72;...} và 43  a + 3  63

 a + 3 = 48  a = 45

Vậy lớp 6A có 45 em ( thỏa mãn 40  a  60 )